



Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật
Lô 6/12 KCN Tân Thới Hiệp, P.Hiệp Thành, Quận 12, TP.HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 3 NĂM 2013

TP. Hồ Chí Minh, tháng 10 năm 2013

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 09 năm 2013	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7 - 8
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 28
6. Phụ lục 01	29
7. Phụ lục 02	30 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		124.964.065.900	108.046.188.022
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	57.091.711.466	39.239.076.641
1. Tiền	111		42.091.711.466	39.239.076.641
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		37.343.513.641	35.597.405.084
1. Phải thu của khách hàng	131	V.2	37.396.283.025	35.588.274.719
2. Trả trước cho người bán	132		25.038.500	-
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		644.018	91.519.127
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.3	(78.451.902)	(82.388.762)
IV. Hàng tồn kho	140		29.977.645.315	33.026.868.797
1. Hàng tồn kho	141	V.4	31.972.605.315	34.954.064.257
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.5	(1.994.960.000)	(1.927.195.460)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		551.195.478	182.837.500
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	363.205.478	49.837.500
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	187.990.000	133.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		94.691.454.407	78.929.723.982
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		94.678.361.496	78.899.797.318
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	88.288.624.269	72.266.625.382
<i>Nguyên giá</i>	222		150.448.810.822	128.377.713.539
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(62.160.186.553)	(56.111.088.157)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	6.389.737.227	6.633.171.936
<i>Nguyên giá</i>	228		7.992.230.510	7.992.230.510
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.602.493.283)	(1.359.058.574)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		13.092.911	29.926.664
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		13.092.911	29.926.664
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		219.655.520.307	186.975.912.004

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thuận, đường Nguyễn Anh Tú, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		62.444.516.745	49.974.199.465
I. Nợ ngắn hạn	310		62.444.516.745	49.974.199.465
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	14.411.355.643	19.815.785.959
2. Phải trả người bán	312	V.10	37.343.818.101	22.766.312.881
3. Người mua trả tiền trước	313		12.856.500	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	2.506.911.262	2.243.429.114
5. Phải trả người lao động	315	V.12	4.183.666.000	4.470.821.000
6. Chi phí phải trả	316	V.13	1.700.000.000	385.000.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	606.264.556	292.850.511
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.679.644.683	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.15	-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		157.211.003.562	137.001.712.539
I. Vốn chủ sở hữu	410		157.211.003.562	137.001.712.539
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.16	80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16	493.885.000	493.885.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.16	2.362.399.683	178.232.935
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.16	(6.831.972)	(6.831.972)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.16	10.092.145.455	2.870.413.340
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.16	64.269.405.396	53.466.013.236
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		219.655.520.307	186.975.912.004

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH(Dạng đầy đủ)
QUÍ III NĂM 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III năm 2013		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	98.195.519.552	90.247.623.641	289.425.841.056	257.205.654.189
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	7.688.250	135.773.951	45.787.579	610.115.351
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	98.187.831.302	90.111.849.690	289.380.053.477	256.595.538.838
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	75.857.077.572	66.936.131.329	221.132.499.870	193.031.753.338
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.330.753.730	23.175.718.361	68.247.553.607	63.563.785.500
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	475.552.703	128.544.681	720.099.032	338.007.725
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	471.927.729	797.553.452	1.647.419.118	3.419.830.334
Trong đó: chi phí lãi vay	23		338.381.892	786.782.762	1.411.274.048	3.387.999.702
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	3.419.754.458	3.730.643.558	10.555.121.902	9.255.165.068
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	3.827.468.273	3.420.741.528	11.370.676.252	9.285.651.607
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.087.155.973	15.355.324.504	45.394.435.367	41.941.146.216
11. Thu nhập khác	31		165.500.000	-	165.500.000	195.000.000
12. Chi phí khác	32	VI.7	116.481.049	-	281.394.811	267.357.549
13. Lợi nhuận khác	40		49.018.951	-	(115.894.811)	(72.357.549)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.136.174.924	15.355.324.504	45.278.540.556	41.868.788.667
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	1.749.383.122	1.151.649.338	5.629.805.049	3.790.641.341
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.386.791.802	14.203.675.166	39.648.735.507	38.078.147.326
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.673	1.776	4.956	4.760

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2013


 Nguyễn Thị Chuyên
 Người lập biểu


 Hoàng Bá Chính
 Kế toán trưởng


 Lê Hoàng Vũ
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		45.278.540.556	41.868.788.667
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.7, V.8	7.295.183.230	6.608.632.339
- Các khoản dự phòng	03	V.3, V.5	63.827.680	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.7, VI.8	(111.011.866)	(18.474.981)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.411.274.048	3.387.999.702
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		53.937.813.648	51.846.945.727
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.837.465.262)	(11.102.456.675)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.981.458.942	1.358.433.782
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		15.041.508.745	14.262.350.272
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		318.370.233	18.128.864
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(1.411.274.048)	(3.387.999.702)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	VI.11	(4.508.102.781)	(3.110.677.162)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		50.000.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.745.721.736)	(679.329.732)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		62.826.587.741	49.205.395.374
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7	(23.768.178.500)	(1.280.960.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	165.500.000	195.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(23.602.678.500)	(1.085.960.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

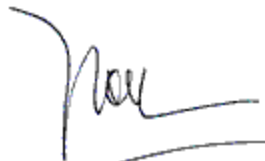
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.9	103.728.881.642	137.437.606.359
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.9	(109.133.311.958)	(148.355.920.205)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16	(15.966.844.100)	(11.996.757.260)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(21.371.274.416)	(22.915.071.106)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		17.852.634.825	25.204.364.268
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	39.239.076.641	10.847.289.900
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	57.091.711.466	36.051.654.168

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2013



Nguyễn Thị Chuyên
Người lập biểu



Hoàng Bá Chính
Kế toán trưởng



Lê Hoàng Vũ
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến 30/09/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán bao bì cho ngành thực phẩm; Mua bán vật tư nguyên liệu ngành bao bì.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 Công ty có 242 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 247 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Doanh thu và lợi nhuận 9 tháng đầu năm 2013 đều gia tăng so với cùng kỳ năm trước là do đơn giá và sản lượng bán đều tăng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Anh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 46
Máy móc và thiết bị	07 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 15
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 20

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (40 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Anh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	05%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	05%

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.800 VND/USD
30/09/2013 : 21.085 VND/USD

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Tài sản tài chính của Công ty chỉ gồm nhóm các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	151.685.943	18.483.744
Tiền gửi ngân hàng	41.940.025.523	39.220.592.897
Các khoản tương đương tiền (*)	15.000.000.000	-
Cộng	57.091.711.466	39.239.076.641

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 03 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các bên liên quan	3.701.727.007	816.415.611
Các khách hàng khác	33.694.556.018	34.771.859.108
Cộng	37.396.283.025	35.588.274.719

Khoản phải thu khách hàng có giá trị tương đương USD 1,900,000 đã được đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam).

3. Trả trước cho người bán

Trả trước mua sắm tài sản cố định.

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	57.488.730	60.175.590
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	750.000	2.000.000
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	15.715.588	15.715.588
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	4.497.584	4.497.584
Cộng	78.451.902	82.388.762

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	82.388.762
Hoàn nhập dự phòng	(3.936.860)
Số cuối kỳ	78.451.902

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường		879.585.810
Nguyên liệu, vật liệu	24.132.608.552	24.082.471.635
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.359.578.355	862.524.759
Thành phẩm	5.970.749.394	8.306.644.446
Hàng hóa	509.669.014	822.837.607
Cộng	31.972.605.315	34.954.064.257

Một số nguyên vật liệu, thành phẩm có giá trị ghi sổ là 27.939.632.908 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam).

6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá nguyên vật liệu và thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số đầu năm	1.927.195.460
Trích lập dự phòng	67.764.540
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối năm	1.994.960.000

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí bảo hiểm	99.675.000	49.837.500
Công cụ, dụng cụ	263.205.478	-
Cộng	363.205.478	49.837.500

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	87.990.000	33.000.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	100.000.000	100.000.000
Cộng	187.990.000	133.000.000

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	21.393.497.811	99.843.091.865	4.025.326.154	1.011.136.833	2.104.660.876	128.377.713.539
Mua sắm mới	-	23.743.140.000	-	-	-	23.743.140.000
Giảm thanh lý và theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC	(172.948.204)	(806.835.665)	(397.207.969)	(72.577.980)	(222.472.899)	(1.672.042.717)
Số cuối kỳ	21.220.549.607	122.779.396.200	3.628.118.185	938.558.853	1.882.187.977	150.448.810.822
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	72.474.000	47.145.930		639.532.037	21.772.727	780.924.694
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3.973.042.093	48.426.473.877	2.240.586.977	895.648.333	575.336.877	56.111.088.157
Khấu hao trong kỳ	465.052.171	6.151.395.049	310.018.148	34.416.107	90.867.056	7.051.748.531
Giảm thanh lý và theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC	(40.744.296)	(438.642.146)	(342.719.835)	(64.461.651)	(116.082.197)	(1.002.650.125)
Số cuối kỳ	4.397.349.968	54.139.226.780	2.207.885.290	865.602.789	550.121.736	62.160.186.553
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	17.420.455.718	51.416.617.988	1.784.739.177	115.488.500	1.529.323.999	72.266.625.382
Số cuối kỳ	16.823.199.639	68.540.169.420	1.420.232.895	72.956.064	1.332.066.241	88.288.624.269
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 113.542.186.766 VND và 57.742.364.149 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam).

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.152.082.020	840.148.490	7.992.230.510
Số cuối kỳ	7.152.082.020	840.148.490	7.992.230.510
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	109.402.030	109.402.030
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	713.721.264	645.337.310	1.359.058.574
Khấu hao trong kỳ	133.822.737	109.611.972	243.434.709
Số cuối kỳ	847.544.001	754.949.282	1.602.493.283
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.438.360.756	194.811.180	6.633.171.936
Số cuối kỳ	6.304.538.019	85.199.208	6.389.737.227
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

11. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	5.083.139.644	4.912.604.844
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ^(b)	2.793.936.409	9.749.732.689
Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) ^(c)	6.534.279.590	5.153.448.426
Cộng	14.411.355.643	19.815.785.959

^(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.10).

^(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền đòi nợ khoản phải thu khách hàng (xem thuyết minh số V.2), thế chấp nguyên liệu, thành phẩm (xem thuyết minh số V.5), tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (c) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền đòi nợ khoản phải thu khách hàng (xem thuyết minh số V.2), thế chấp nguyên liệu, thành phẩm (xem thuyết minh số V.5) và tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	19.815.785.959
Số tiền vay phát sinh	103.728.881.642
Số tiền vay đã trả	(109.133.311.958)
Số cuối kỳ	14.411.355.643

12. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp trong nước	37.343.818.101	21.887.064.918
Các nhà cung cấp nước ngoài		879.247.963
Cộng	37.343.818.101	22.766.312.881

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.195.025.636	6.051.598.172	(6.526.269.811)	720.353.997
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.849.064.909	(5.849.064.909)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	627.680.854	5.629.805.049	(4.508.102.781)	1.749.383.122
Thuế thu nhập cá nhân	420.722.624	913.820.407	(1.297.368.888)	37.174.143
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	2.243.429.114	18.447.288.537	(18.183.806.389)	2.506.911.292

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6489/UB-CNN ngày 12 tháng 12 năm 2003 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh với thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (năm 2004), được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (năm 2005) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45.278.540.556	41.868.788.667
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi		

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nhuận kế toán để xác định lợi nhuận
chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Các khoản điều chỉnh tăng	673.027.250	184.300.712
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	45.951.567.806	42.053.089.379
Trong đó:		
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 15%)	33.474.782.302	
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi (thuế suất 25%)	12.475.785.504	
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	8.140.413.721	6.474.289.658
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	(2.510.608.673)	(3.029.237.016)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	345.588.699
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	5.629.805.048	3.790.641.341

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả công nhân viên.

15. Chi phí phải trả

Chi phí dịch vụ phải trả.

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	236.231.828	38.120.410
Kinh phí công đoàn	26.652.017	33.727.101
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	60.312.400	28.420.500
Các khoản phải trả khác	283.068.311	192.582.500
Cộng	606.264.556	292.850.511

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	(46.842.065)	1.092.083.374	-	1.045.241.309
Quỹ phúc lợi	(18.500.000)	1.092.083.374	(439.180.000)	634.403.374
Cộng	(65.342.065)	2.184.166.748	(439.180.000)	1.679.644.683

18. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm trang 29.

Cổ tức

Cổ tức của năm trước đã chi trả trong kỳ với số tiền 15.966.844.100 VND.

Cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	632	632
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	632	632
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.999.368	7.999.368
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.999.368	7.999.368
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	289.425.841.056	257.205.654.189
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	70.431.672.144	22.665.676.169
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	206.385.100.912	230.306.089.945
<i>Doanh thu khác</i>	12.609.068.000	4.233.888.075
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(45.787.579)	(610.115.351)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	-	-
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(45.787.579)	(610.115.351)
Doanh thu thuần	289.380.053.477	256.595.538.838
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	70.431.672.144	22.656.716.169
<i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	206.339.313.333	229.704.934.594
<i>Doanh thu thuần khác</i>	12.609.068.000	4.233.888.075

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa	44.623.662.033	19.288.437.621
Giá vốn của thành phẩm	164.344.221.065	165.276.193.558
Giá vốn khác	12.096.852.232	8.467.122.159
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	67.764.540	-
Cộng	221.132.499.870	193.031.753.338

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi không kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.411.274.048	3.387.999.702
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	236.145.070	31.830.632
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Cộng	1.647.419.118	3.419.830.334

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.267.257.344	1.123.647.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.463.366.838	6.102.920.871
Chi phí khác	2.824.497.720	2.028.596.957
Cộng	10.555.121.902	9.255.165.068

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.360.383.946	5.028.606.560
Chi phí đồ dùng văn phòng	16.833.753	26.220.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	548.931.063	598.765.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.100.281.322	1.072.360.665
Chi phí khác	4.344.246.168	2.559.698.536
Cộng	11.370.676.252	9.285.651.607

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	54.488.134	176.525.019
Thuế bị phạt, bị truy thu	164.913.762	85.204.530
Chi phí khác	61.992.915	5.628.000
Cộng	281.394.811	267.357.549

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	39.648.735.507	38.078.147.326
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	39.648.735.507	38.078.147.326
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	7.999.368	7.999.368

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
trong kỳ		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.956	4.760

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	125.531.689.451	140.274.372.329
Chi phí nhân công	20.888.739.850	18.629.068.397
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.295.193.230	6.608.632.339
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.957.314.684	9.528.987.614
Chi phí khác	14.927.111.588	9.059.351.833
Cộng	178.600.048.803	184.100.412.512

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Các giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ, Công ty phát sinh khoản trả trước cho người bán liên quan đến mua sắm tài sản cố định với số tiền 25.038.500 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong kỳ là 1.077.750.000 VND (số năm trước là 801.000.000 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam	Cổ đông chiếm 44,16% vốn điều lệ
Công ty cổ phần dầu thực vật Tân Bình	Cổ đông và là công ty con của Tổng Công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam
Công ty cổ phần dầu thực vật Tường An	Cổ đông và là công ty con của Tổng Công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam
Công ty cổ phần thương mại dầu thực vật	Cổ đông và là công ty con của Tổng Công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Năm nay	Năm trước

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam		
Bán hàng	2.817.681.290	1.627.751.656
Công ty cổ phần dầu thực vật Tân Bình		
Bán hàng	4.879.183.870	2.898.645.310
Công ty cổ phần dầu thực vật Tường An		
Bán hàng	5.600.510.682	3.396.498.507
Công ty cổ phần thương mại dầu thực vật		
Bán hàng	89.269.350	524.030.850

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam		
Tiền hàng phải thu	357.655.881	-
Công ty cổ phần dầu thực vật Tân Bình		
Tiền hàng phải thu	2.316.351.444	478.864.133
Công ty cổ phần dầu thực vật Tường An		
Tiền hàng phải thu	961.719.682	300.520.627
Công ty cổ phần thương mại dầu thực vật		
Tiền hàng phải thu	66.000.000	37.297.260
Cộng nợ phải thu	3.701.727.007	816.415.611

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá bán do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp, với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất thùng carton
- Lĩnh vực sản xuất chai nhựa pet
- Lĩnh vực sản xuất nắp, nút

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Các lĩnh vực khác.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở phụ lục 02 đính kèm từ trang 30 đến trang 32.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền phí duy tu cơ sở hạ tầng và phí tiện ích công cộng tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	133.844.850	133.844.850
Trên 01 năm đến 05 năm	535.379.400	535.379.400
Trên 05 năm	4.108.479.206	4.209.420.533
Cộng	<u>4.777.703.456</u>	<u>4.878.644.783</u>

Theo Hợp đồng thuê đất số 29/HDTD ngày 05 tháng 12 năm 2002 ký với Công ty TNHH đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Tân Thới Hiệp, Công ty phải trả phí duy tu cơ sở hạ tầng và phí tiện ích công cộng là 10.510 VND/m²/năm cho đến ngày 05 tháng 12 năm 2048.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Anh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.091.711.466	-	-	-	57.091.711.466
Phải thu khách hàng	37.176.205.500	-	-	220.077.525	37.396.283.025
Các khoản phải thu khác	100.644.018	-	-	-	100.644.018
Cộng	94.368.560.984	-	-	220.077.525	94.588.638.509
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.239.076.641	-	-	-	39.239.076.641
Phải thu khách hàng	35.356.740.994	-	-	231.533.725	35.588.274.719
Các khoản phải thu khác	191.519.127	-	-	-	191.519.127
Cộng	74.787.336.762	-	-	231.533.725	75.018.870.487

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	37.343.818.101	-	-	37.343.818.101
Vay và nợ	14.411.355.643	-	-	14.411.355.643
Các khoản phải trả khác	2.306.264.556	-	-	2.306.264.556
Cộng	54.061.438.300	-	-	54.061.438.300
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	22.766.312.881	-	-	22.766.312.881
Vay và nợ	19.815.785.959	-	-	19.815.785.959
Các khoản phải trả khác	677.850.511	-	-	677.850.511
Cộng	43.259.949.351	-	-	43.259.949.351

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2013 và ngày 30 tháng 9 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản vay có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty thế chấp các khoản công nợ phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.2). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 là 37.317.831.123 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 35.505.885.957 VND).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính*Tài sản tài chính*

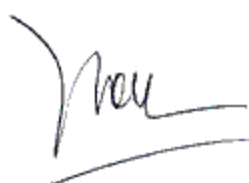
	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.091.711.466	-	39.239.076.641	-	57.091.711.466	39.239.076.641
Phải thu khách hàng	37.396.283.025	(78.451.902)	35.588.274.719	(82.388.762)	37.317.831.123	35.505.885.957
Các khoản phải thu khác	100.644.018	-	191.519.127	-	100.644.018	191.519.127
Cộng	94.588.638.509	(78.451.902)	75.018.870.487	(82.388.762)	94.510.186.607	74.936.481.725

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	37.343.818.101	22.766.312.881	37.343.818.101	22.766.312.881
Vay và nợ	14.411.355.643	19.815.785.959	14.411.355.643	19.815.785.959
Các khoản phải trả khác	2.306.264.556	677.850.511	2.306.264.556	677.850.511
Cộng	54.061.438.300	43.259.949.351	54.061.438.300	43.259.949.351

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.


Nguyễn Thị Chuyên
Người lập biểu


Hoàng Bá Chính
Kế toán trưởng


Lê Hoàng Vũ
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

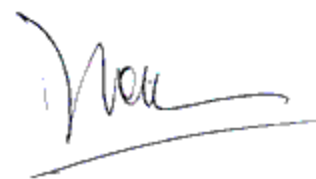
Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thời Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	493.885.000	-	(6.831.972)	-	20.515.473.851	101.002.526.879
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	48.720.900.327	48.720.900.327
Phân phối lợi nhuận	-	-	178.232.935	-	2.870.413.340	(3.226.879.210)	(178.232.935)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(11.999.052.000)	(11.999.052.000)
Chi thường Ban điều hành	-	-	-	-	-	(544.429.732)	(544.429.732)
Số dư cuối năm trước	80.000.000.000	493.885.000	178.232.935	(6.831.972)	2.870.413.340	53.466.013.236	137.001.712.539
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	493.885.000	178.232.935	(6.831.972)	2.870.413.340	53.466.013.236	137.001.712.539
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	39.648.735.507	39.648.735.507
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.184.166.748	-	7.221.732.115	(11.590.065.611)	(2.184.166.748)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(15.998.736.000)	(15.998.736.000)
Chi thường Ban điều hành	-	-	-	-	-	(1.256.541.736)	(1.256.541.736)
Số dư cuối kỳ	80.000.000.000	493.885.000	2.362.399.683	(6.831.972)	10.092.145.455	64.269.405.396	157.211.003.562


Nguyễn Thị Chuyên
Người lập biểu

Hoàng Bá Chính
Kế toán trưởng

HCM, ngày 12 tháng 10 năm 2013

Lê Hoàng Vũ
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thời Hiệp, đường Nguyễn Anh Thơ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	Thùng carton	Chai nhựa pet	Nắp, nút	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	266.106.883.280	5.254.442.566	5.403.862.338	12.614.865.293	289.380.053.477
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	266.106.883.280	5.254.442.566	5.403.862.338	12.614.865.293	289.380.053.477
Chi phí bộ phận	196.683.685.618	6.061.215.269	6.290.746.751	12.096.852.232	221.132.499.870
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	69.423.197.662	(806.772.703)	(886.884.413)	518.013.061	68.247.553.607
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(21.925.798.154)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					46.321.755.453
Doanh thu hoạt động tài chính					720.099.032
Chi phí tài chính					(1.647.419.118)
Thu nhập khác					165.500.000
Chi phí khác					(281.394.811)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(5.629.805.049)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					39.648.735.507
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	23.743.140.000	-	-	-	23.743.140.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.374.548.559	1.973.502.484	1.398.211.124	-	6.746.262.167
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO BÌ ĐẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thời Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ trước

Năm trước

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài

Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

vụ

Chi phí bộ phận

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

*Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác**Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn**Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)*

232.330.954.613	8.662.978.820	6.932.761.730	8.668.843.675	256.595.538.838
232.330.954.613	8.662.978.820	6.932.761.730	8.668.843.675	256.595.538.838
169.358.242.970	8.188.890.411	7.116.338.602	8.368.281.355	193.031.753.338
62.972.711.643	474.088.409	(183.576.872)	300.562.320	63.563.785.500
				(18.540.816.675)
				45.022.968.825
				338.007.725
				(3.419.830.334)
				195.000.000
				(267.357.549)
				(3.790.641.341)
				-
				38.078.147.326
1.280.960.000	-	-	-	1.280.960.000
2.712.248.002	1.979.720.379	1.353.783.825	-	6.045.752.206
-	-	-	-	-

Nguyễn Thị Chuyên
Người lập biểu

Hoàng Bá Chính
Kế toán trưởng

Lê Hoàng Vũ
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Thùng carton	Chai nhựa pet	Nắp, nút	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	56.720.165.540	15.452.564.547	11.812.466.422	-	83.985.196.509
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					135.670.323.798
Tổng tài sản					219.655.520.307
Nợ phải trả					
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					62.444.516.745
Tổng nợ phải trả					62.444.516.745
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	36.725.495.251	17.489.137.476	13.311.070.612	-	67.525.703.339
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					119.450.208.665
Tổng tài sản					186.975.912.004
Nợ phải trả					
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					49.974.199.465
Tổng nợ phải trả					49.974.199.465


Nguyễn Thị Chuyên
Người lập biểu

Hoàng Bá Chính
Kế toán trưởngLê Hoàng Vũ
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2013